

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN 911**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2808/2026/CBTT-911

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam / Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn 911

- Mã chứng khoán: NO1

- Địa chỉ: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0944.911.911

Fax:

- E-mail: info@911group.com.vn

- Website: <https://911group.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Hợp nhất và Riêng lẻ soát xét bán niên năm 2026 và giải trình kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911.

(Nội dung chi tiết xin vui lòng xem tại file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn <https://911group.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Vp. HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Hợp nhất và Riêng lẻ soát xét bán niên năm 2026 và giải trình kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



HOÀNG SON ĐĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	06 - 10
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	11
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	12 - 13
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 57

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị Nền móng 911, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105207386 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 08 năm 2026 để thay đổi vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng, máy thiết bị điện, vật tư điện...);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị.

Tên tiếng anh: 911 Group Joint Stock Company.

Tên viết tắt: 911 GROUP JSC.

Mã chứng khoán: NO1 (Niêm yết và giao dịch tại HOSE (Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh)).

Trụ sở chính: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Xuân Thanh	Phó Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Thơm	Thành viên
Ông	Phạm Đình Thoan	Thành viên
Ông	Nghiêm Đức Thuần	Thành viên
Ông	Trần Tăng Hải	Thành viên
Ông	Đình Tuấn Hùng	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Ban Kiểm soát

Bà	Trần Thị Kim Dung	Trưởng ban
Bà	Lê Thị Loan	Thành viên
Bà	Trần Ngọc Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Xuân Thanh	Tổng Giám Đốc
Ông	Nghiêm Đức Thuần	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Thu Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Đoàn Thị Loan	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Xuân Thanh	Tổng Giám Đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không còn thích hợp.

Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kế toán phù hợp nhằm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản và thiết lập các kiểm soát cần thiết nhằm phòng ngừa và phát hiện gian lận hoặc sai sót. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, tại thời điểm lập báo cáo, không có thông tin về gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng liên quan đến Ban Tổng Giám đốc các đơn vị thành viên hoặc các cá nhân giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

6. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, Chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của toàn Tập đoàn.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Mạnh Hải

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: A0626235-SXR/MOORE AISC-DN8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



MOORE AISC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Phạm Văn Vinh

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0112-2023-005-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		457.272.657.550	621.364.571.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51.365.828.856	119.780.483.855
1. Tiền	111		1.281.828.856	52.251.733.855
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.084.000.000	67.528.750.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	107.666.722.699	252.168.452.581
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		107.666.722.699	252.168.452.581
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.308.331.422	113.059.707.036
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	62.813.452.928	36.688.560.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	35.521.554.800	33.620.720.652
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	34.473.323.694	50.250.426.320
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	165.609.645.960	128.979.795.146
1. Hàng tồn kho	141		165.609.645.960	128.979.795.146
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		7.322.128.613	7.376.133.016
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	597.643.199	1.426.520.148
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	V.17.2	6.724.485.414	5.949.612.868
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.140.739.182	103.475.357.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		482.142.000	504.642.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5	482.142.000	504.642.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.365.637.043	10.306.837.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.550.187.071	3.735.580.042
<i>Nguyên giá</i>	222		24.454.107.347	26.601.973.892
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.903.920.276)	(22.866.393.850)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.540.076.693	6.571.257.849
<i>Nguyên giá</i>	225		2.685.185.185	7.462.611.111
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(145.108.492)	(891.353.262)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	21.275.373.279	-
<i>Nguyên giá</i>	228		21.545.531.364	64.395.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(270.158.085)	(64.395.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
<i>Nguyên giá</i>	234		-	-
<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.12	30.000.000.000	30.000.000.000
Nguyên giá	241		30.000.000.000	30.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.13	2.301.809.000	21.363.636.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		2.301.809.000	21.363.636.364
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	21.416.907.858	24.680.106.460
1. Đầu tư vào công ty con	261		26.000.000.000	26.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(4.583.092.142)	(1.319.893.540)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		14.574.243.281	16.620.134.869
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	14.574.243.281	16.620.134.869
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	280		552.413.396.732	724.839.929.218

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		240.575.826.653	416.726.323.771
I. Nợ ngắn hạn	310		223.208.502.333	415.716.157.113
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	159.822.753.429	349.977.361.171
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	17.589.017.994	17.054.570.514
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.16	16.200.000	25.200.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	2.597.339.029	4.659.218.040
5. Phải trả người lao động	315	V.18	2.133.534.261	1.576.647.216
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	322.574.089	54.880.284
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.20	1.658.796.818	-
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.21	38.971.115.513	41.088.885.356
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.22	97.171.200	1.279.394.532
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.367.324.320	1.010.166.658
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.21	17.367.324.320	1.010.166.658
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	311.837.570.079	308.113.605.447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>240.000.000.000</i>	<i>240.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	420		71.837.570.079	68.113.605.447
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>420a</i>		<i>68.113.605.447</i>	<i>60.189.391.490</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>420b</i>		<i>3.723.964.632</i>	<i>7.924.213.957</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		552.413.396.732	724.839.929.218

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Thị Huyền Ngọc

Đoàn Thị Loan

Nguyễn Mạnh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	314.599.119.287	832.222.627.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		314.599.119.287	832.222.627.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	273.740.336.671	769.583.315.207
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.858.782.616	62.639.312.693
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	7.496.725.748	2.670.180.298
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	6.437.960.965	6.560.915.951
Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.925.932.463	2.064.658.557
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.728.683.058	13.505.912.995
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.469.014.699	23.643.864.109
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26))	30		12.719.849.642	21.598.799.936
12. Thu nhập khác	31		25.435.124	11.266
13. Chi phí khác	32	VI.7	7.157.059.290	2.979.531.556
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7.131.624.166)	(2.979.520.290)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.588.225.476	18.619.279.646
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.864.260.844	4.272.161.203
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.723.964.632	14.347.118.443

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Thị Huyền Ngọc

Đoàn Thị Loan

Nguyễn Mạnh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.588.225.476	18.619.279.646
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,11	1.561.642.408	3.833.124.397
Các khoản dự phòng	03		2.080.975.270	5.376.289.043
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(2.652.550.892)	2.107.581.184
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.890.364.188)	(1.654.100.495)
Chi phí đi vay	06	VI.4	2.925.932.463	2.064.658.557
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.613.860.537	30.346.832.332
Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(13.000.996.932)	(286.948.146.741)
Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(36.629.850.814)	102.533.604.952
Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(186.280.686.038)	293.886.594.346
Tăng (-), giảm (+) chi phí chờ phân bổ	12		2.874.768.537	2.936.055.814
Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Chi phí đi vay đã trả	14		(2.658.238.658)	(2.090.576.207)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(2.398.203.383)	(5.039.983.613)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(230.479.346.751)	135.624.380.883
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.569.517.000)	(2.593.471.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.579.797.979	6.052.491.582
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(251.803.750.000)	(147.395.336.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		396.040.878.767	88.192.735.267
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.586.070.128	772.792.861
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		147.833.479.874	(67.970.788.063)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	114.986.059.884	97.235.898.681
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(98.767.218.733)	(108.185.719.830)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	VII.2	(1.979.453.332)	(1.282.063.845)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.230.387.819	(12.231.884.994)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+ 30 + 40)	50		(68.415.479.058)	55.421.707.826
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		119.780.483.855	105.537.221.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		824.059	57.144
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	51.365.828.856	160.958.986.299

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Thị Huyền Ngọc

Đoàn Thị Loan

Nguyễn Mạnh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**I.1. Thông tin về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn 911 (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị Nền móng 911, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105207386 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 08 năm 2026 để thay đổi vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: 911 Group Joint Stock Company.

Tên viết tắt: 911 GROUP JSC.

Mã chứng khoán: NO1 (Niêm yết và giao dịch tại HOSE (Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh)).

Trụ sở chính: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam.

I.2. Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

I.3. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

I.4. Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng, máy thiết bị điện, vật tư điện...);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị.

I.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

I.6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ, thị trường máy xây dựng sụt giảm do nhu cầu chung của ngành máy thi công và thiết bị xây lắp giảm. Đồng thời, ảnh hưởng chung của biến động tỷ giá USD do công ty nhập khẩu phần lớn hàng hóa và các giao dịch bằng USD là chủ yếu.

Mảng vận tải mới của công ty con (911 taxi) hợp tác với Vinfast chưa đạt tiến độ như kế hoạch khiến mảng này lỗ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của công ty.

I.7. Số người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Tổng số người lao động đến ngày 30 tháng 06 năm 2026: 36 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 38 người)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I.8. Cấu trúc doanh nghiệp

I.8.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp được hợp nhất toàn bộ như sau:

Tên công ty, địa chỉ và hoạt động chính tại ngày 30/06/2026	% sở hữu trực tiếp	% sở hữu gián tiếp	% quyền biểu quyết
1. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future Địa chỉ: Tổ 9, khu phố Tân Cang, Phường Phước Tân, TP. Đồng Nai, Việt Nam	65%	0%	65%
2. Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Dịch vụ Kỹ thuật 911 Call Me Địa chỉ: Biệt thự C14 HH04 khu đô thị Việt Hưng, đường Lưu Khánh Đàm, Phường Việt Hưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	65%	0%	65%

I.9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, Công ty đã chuyển đổi việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC sang Thông tư 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Do sự khác biệt về nguyên tắc ghi nhận, đo lường và trình bày giữa hai chế độ kế toán, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của kỳ trước nhằm đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh giữa các kỳ. Các ảnh hưởng trọng yếu của việc chuyển đổi đã được phản ánh trên các chỉ tiêu liên quan của Báo cáo tài chính riêng và được trình bày tại các thuyết minh có liên quan.

I.10. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty trên cơ sở các thông tin hiện có tại ngày kết thúc kỳ kế toán và kết luận rằng việc áp dụng cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu nào có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

I.11. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

Trong kỳ kế toán, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-911 về việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức, xem thêm tại thuyết minh VIII.2.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

II.1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

II.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).
Trong kỳ kế toán, Công ty không có thay đổi về đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**III.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính "Thông tư 99" và các quy định có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

III.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG**IV.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Việc quy đổi ngoại tệ được thực hiện theo tỷ giá giao dịch thực tế phù hợp với bản chất giao dịch và quy định tại Thông tư 99 cùng các chuẩn mực kế toán hiện hành. Các nghĩa vụ thuế liên quan đến giao dịch bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Tỷ giá giao dịch thực tế: Được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình (hoặc tỷ giá xấp xỉ chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình) của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

Tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của doanh nghiệp.

Tỷ giá hối đoái lựa chọn áp dụng khi kế toán chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ

Các giao dịch bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh hoặc theo tỷ giá trong hợp đồng (nếu có). Các khoản nhận trước, trả trước được ghi nhận theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán. Các khoản mục tiền tệ, công nợ và vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh và áp dụng nhất quán cho cả bên Nợ và bên Có.

Tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là các khoản được thu hồi hoặc phải thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm: Tiền và tương đương tiền: tiền mặt, tiền gửi, phải thu, phải trả bằng ngoại tệ (không bao gồm khoản trả trước, nhận trước, trừ khi chắc chắn sẽ thu hồi/hoàn trả bằng ngoại tệ).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, là tỷ giá mua – bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty thường xuyên giao dịch. Đối với tiền gửi ngoại tệ, tỷ giá đánh giá lại được xác định theo tỷ giá của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2026 của Ngân hàng TMCP Quân đội như sau: Tỷ giá mua 26.466 VND/USD, tỷ giá bán 26.111 VND/USD, tỷ giá trung bình là 26.289 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định trên cơ sở bù trừ giữa lãi và lỗ và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

IV.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng,...) kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tiền được ghi nhận theo giá trị thực tế; các khoản có gốc ngoại tệ được quy đổi và đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo quy định hiện hành.

Đối với các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp bị hạn chế sử dụng thì không trình bày tại khoản này mà trình bày tại Tài sản ngắn hạn khác.

IV.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**IV.3.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm thu lãi. Các khoản đầu tư này không bao gồm các công cụ tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua và chi phí giao dịch), có điều chỉnh chiết khấu, phụ trội hoặc lãi nhận trước phát sinh tại thời điểm mua. Sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc, các khoản đầu tư được xác định theo giá trị phân bổ. Chiết khấu, phụ trội được phân bổ vào doanh thu tài chính theo phương pháp đường thẳng hoặc lãi suất thực tế, áp dụng nhất quán phương pháp đã lựa chọn cho từng loại khoản đầu tư.

Doanh thu lãi được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích dựa trên thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế. Lãi nhận trước được phân bổ dần; lãi nhận sau/định kỳ được ghi nhận theo từng kỳ phát sinh. Khi đáo hạn hoặc thanh lý trước hạn, chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị ghi sổ (sau khi trừ dự phòng và chi phí liên quan) được ghi nhận vào kết quả hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp có khả năng không thu hồi được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất theo quy định hiện hành. Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và trình bày trên tài khoản dự phòng tổn thất tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.3.2. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con Đầu tư vào công ty con phản ánh giá trị các khoản đầu tư trực tiếp tại các đơn vị có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập mà Công ty nắm quyền kiểm soát. Quyền này được xác lập khi Công ty sở hữu trên 50% quyền biểu quyết hoặc có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của bên nhận đầu tư đó. Việc xác định quyền kiểm soát dựa trên bản chất thực tế của mối quan hệ, một khoản đầu tư vẫn được phân loại là công ty con dù tỷ lệ sở hữu dưới 50% nếu Công ty nắm quyền chi phối thực tế, và ngược lại.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh trước thời điểm mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh sau thời điểm mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm và không ghi nhận giá trị.

Việc xác định quyền kiểm soát và ảnh hưởng đáng kể được thực hiện trên cơ sở bản chất giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và không bị ảnh hưởng bởi kế hoạch thanh lý trong tương lai. Trường hợp quyền này bị hạn chế bởi các yếu tố pháp lý hoặc điều hành, Công ty đánh giá theo thực tế để phân loại khoản đầu tư. Khi không còn quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể, khoản đầu tư được ghi giảm; chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị ghi sổ được ghi nhận vào kết quả tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá khả năng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty con trên cơ sở các bằng chứng khách quan và thông tin hiện có, bao gồm tình hình lỗ lũy kế, suy giảm giá trị tài sản hoặc khả năng thu hồi vốn của đơn vị được đầu tư, đối với các khoản đầu tư niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng được trích lập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị có thể thu hồi được xác định trên cơ sở giá trị hợp lý (nếu xác định được) hoặc giá trị tài sản thuần của đơn vị được đầu tư (được xác định trên cơ sở tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng tạo dòng tiền trong tương lai của đơn vị nhận đầu tư). Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và được hoàn nhập khi nguyên nhân dẫn đến việc trích lập không còn.

Việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào công ty con được thực hiện căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp được đầu tư. Trường hợp đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, việc trích lập dự phòng được căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp được đầu tư.

IV.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu phản ánh quyền đòi tiền hoặc lợi ích kinh tế của Công ty từ các đối tượng phát sinh từ các giao dịch đã thực hiện. Khoản phải thu được xác định theo giá trị gốc, theo dõi chi tiết theo đối tượng và kỳ hạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu được trình bày theo giá trị gốc sau khi trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) đã trích lập.

Các khoản phải thu được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào bản chất khoản phải thu và thời gian thu hồi dự kiến không quá hoặc trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản phải thu của Công ty bao gồm:

Phải thu của khách hàng là các khoản nợ phát sinh từ doanh thu về bán hàng hóa, tài sản cố định, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với khách hàng, trong đó quyền thu tiền chỉ phụ thuộc vào yếu tố thời gian. Khoản mục này cũng bao gồm các khoản phải thu của bên nhận thầu xây dựng cơ bản đối với bên giao thầu về khối lượng công việc đã hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu phát sinh ngoài hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, tiền lãi cho vay và các khoản phải thu khác theo quy định. Đối với các khoản phải thu khác có giá trị trọng yếu, Công ty thực hiện theo dõi và thuyết minh chi tiết về bản chất giao dịch, giá trị, thời gian phát sinh, thời hạn hoàn trả/thu hồi, tình trạng quá hạn (nếu có) và các điều khoản liên quan theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu dựa trên các bằng chứng khách quan như: tình trạng nợ quá hạn, năng lực tài chính của khách nợ và các dấu hiệu suy giảm khả năng thanh toán khác. Dự phòng được trích lập đối với các khoản nợ quá hạn hoặc nợ chưa đến hạn nhưng có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ giá trị. Mức trích lập được xác định căn cứ vào thời gian quá hạn hoặc mức tổn thất không thu hồi được ước tính đối với từng khoản phải thu theo quy định hiện hành. Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Việc hoàn nhập được thực hiện khi số dự phòng cần lập thấp hơn số dự phòng hiện có trên sổ kế toán.

IV.5. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm các tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường, bao gồm: nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm dở dang, hàng hóa.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa hàng tồn kho đến địa điểm và trạng thái hiện tại, sau khi trừ các khoản giảm giá và chiết khấu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để đưa vật tư về đến kho. Trường hợp nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa được mua bằng ngoại tệ, giá gốc được xác định theo quy định về chênh lệch tỷ giá hối đoái hiện hành. Đối với nguyên liệu, vật liệu tự chế biến hoặc thuê ngoài gia công, giá gốc bao gồm chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình chế biến hoặc gia công. Các nguyên liệu, vật liệu không thuộc quyền sở hữu của Công ty (như vật tư nhận giữ hộ, nhận gia công) không được ghi nhận là hàng tồn kho mà được theo dõi ngoài bảng và thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và chi phí lắp ráp phát sinh trong quá trình thực hiện.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, theo đó các nghiệp vụ nhập, xuất và tồn kho được phản ánh thường xuyên, liên tục trên sổ kế toán.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định trên cơ sở giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết để tiêu thụ. Khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc trích lập và hoàn nhập được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa số dự phòng phải lập và số dự phòng đã ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang**IV.6.1. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình**

TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do Công ty nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định hiện hành, bao gồm: chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy, có thời gian sử dụng trên 1 năm và có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi TSCĐ được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tùy thuộc vào nguồn hình thành, nguyên giá TSCĐ hữu hình được xác định như sau:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm bao gồm giá mua sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá, các khoản thuế phát sinh khi mua TSCĐ không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp như chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử và các chi phí liên quan khác. Đối với tài sản là bất động sản, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được xác định và ghi nhận riêng biệt theo quy định của pháp luật.

IV.6.2. Nguyên tắc kế toán TSCĐ vô hình

TSCĐ vô hình là các tài sản không có hình thái vật chất do Công ty nắm giữ để sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho thuê, thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định hiện hành.

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí trong kỳ, trừ khi làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai và được xác định một cách đáng tin cậy được vốn hóa vào nguyên giá.

Khi ghi giảm tài sản cố định vô hình do bán hoặc thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ; phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tùy thuộc vào nguồn hình thành, nguyên giá TSCĐ vô hình được xác định như sau:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt, bao gồm giá mua trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty;

Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì nguyên giá TSCĐ là số tiền Công ty đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức chuyên nhượng). Việc xác định TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.6.3. Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, tùy theo giá trị nào thấp hơn, cộng với các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến giao dịch thuê. Trường hợp thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê không bao gồm thuế GTGT. Giá trị hiện tại này được xác định theo lãi suất ngầm định của hợp đồng thuê hoặc lãi suất biên đi vay của bên thuê.

IV.6.4. Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư (BĐSDT)

Bất động sản đầu tư bao gồm cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá, không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc để bán trong kỳ kinh doanh thông thường.

BĐSDT được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm toàn bộ chi phí thực tế hoặc giá trị hợp lý của tài sản trao đổi để có được tài sản đến thời điểm đưa vào sử dụng. Nguyên giá được xác định tùy theo từng trường hợp: mua (gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp). Các chi phí không cần thiết để đưa tài sản vào trạng thái hoạt động, chi phí phát sinh trước khi tài sản hoạt động bình thường và các chi phí bất thường không được tính vào nguyên giá. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí trong kỳ, trừ khi làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai được ghi tăng nguyên giá tài sản.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty thuyết minh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên cơ sở thông tin thị trường hoặc các phương pháp định giá phù hợp. Trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, Công ty thuyết minh rõ lý do trong Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Khi có bằng chứng về việc giảm giá, Công ty ghi nhận tổn thất bằng cách điều chỉnh giảm nguyên giá và ghi nhận vào giá vốn; Trường hợp giá trị phục hồi, được ghi tăng nhưng không vượt quá giá gốc ban đầu.

IV.6.5. Nguyên tắc kế toán chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang

Chi phí thực hiện các dự án đầu tư XDCB (bao gồm sửa chữa, nâng cấp, cải tạo TSCĐ) và tình hình quyết toán chi phí đầu tư. Các hoạt động đầu tư XDCB có thể thực hiện theo phương thức giao thầu hoặc tự thực hiện; Trường hợp tự thực hiện, tài khoản này phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây lắp, sửa chữa theo quy định của pháp luật hiện hành. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu làm tăng năng lực hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ được ghi tăng nguyên giá tài sản.

IV.6.6. Nguyên tắc kế toán khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, chi phí đầu tư XDCB dở dang

TSCĐ và BĐSĐT liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc cho thuê đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Chi phí khấu hao được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ; trường hợp tài sản phục vụ hoạt động đầu tư XDCB thì được tính vào chi phí đầu tư XDCB.

Công ty áp dụng các phương pháp khấu hao TSCĐ và BĐSĐT theo quy định hiện hành phương pháp đường thẳng phân bổ đều giá trị tài sản trong suốt thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với khung quy định của Bộ Tài chính và điều kiện sử dụng thực tế của Công ty.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ và BĐSĐT cho thuê như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 07 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
TSCĐ khác	05 năm
TSCĐ vô hình	
Phần mềm	03 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn: không trích khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao.

IV.7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các khoản chi phí phát sinh phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ như chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, triển lãm, thuê văn phòng, thương hiệu và các khoản chi phí khác không đáp ứng điều kiện ghi nhận là tài sản cố định.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hưởng lợi ước tính của từng khoản chi phí. Thời gian phân bổ được xác định căn cứ vào bản chất chi phí, thời hạn hợp đồng hoặc thời gian sử dụng hữu ích dự kiến như sau:

Công cụ, dụng cụ phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Chi phí sửa chữa phân bổ đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng tiếp theo.

Chi phí triển lãm phân bổ từ 06 đến 12 tháng.

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

Chi phí quyền sử dụng thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 60 tháng.

IV.8. Nguyên tắc kế toán phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các giao dịch hoặc sự kiện đã xảy ra và việc thanh toán nghĩa vụ này dự kiến làm giảm nguồn lực kinh tế của Công ty. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận khi nghĩa vụ có khả năng phát sinh và giá trị có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn còn lại của nghĩa vụ thanh toán theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả phải được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp, được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với người bán hàng hóa, dịch vụ và các đối tượng liên quan theo hợp đồng. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản ứng trước cho người bán. Các khoản chiết khấu và giảm giá (nếu có) được hạch toán riêng theo quy định.

Các khoản phải trả khác phản ánh các khoản phải trả, phải nộp không mang tính thương mại thông thường và không phát sinh trực tiếp từ hoạt động mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm: các khoản phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; và các khoản phải trả, phải nộp khác theo quy định. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và nội dung phải trả. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và nội dung phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.9. Phúc lợi người lao động

Phúc lợi người lao động là các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản bảo hiểm bắt buộc và các khoản phúc lợi khác mà Công ty có nghĩa vụ chi trả cho người lao động theo quy định của pháp luật, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy chế của Công ty để đổi lấy dịch vụ mà người lao động đã cung cấp. Các khoản phúc lợi người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi người lao động đã cung cấp dịch vụ làm phát sinh nghĩa vụ hiện tại của Công ty. Các khoản chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận là khoản phải trả người lao động hoặc các khoản phải trả, phải nộp liên quan theo quy định.

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ trên cơ sở thời gian làm việc hoặc khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng lao động và các quy định có liên quan của Công ty.

Các khoản bảo hiểm bắt buộc, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo quy định của pháp luật và được ghi nhận là khoản phải trả cho đến khi thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản khấu trừ vào tiền lương của người lao động theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận được ghi nhận là khoản phải trả hoặc phải nộp đối với các bên có liên quan cho đến khi được thanh toán.

Các khoản tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác (nếu có) được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, có khả năng làm phát sinh dòng tiền chi ra và giá trị của nghĩa vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

IV.10. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức, lợi nhuận công ty có nghĩa vụ phải thanh toán cho cổ đông, thành viên góp vốn bằng tiền hoặc tài sản khác theo nghị quyết, quyết định phân phối lợi nhuận và quy định của pháp luật hiện hành. Khoản phải trả được ghi nhận khi công ty phát sinh nghĩa vụ thanh toán và không còn quyền từ chối việc chi trả cho các cổ đông, thành viên góp vốn.

IV.11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc chắc chắn sẽ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa có đủ chứng từ, chưa thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán, được ghi nhận trên cơ sở phù hợp giữa doanh thu và chi phí, bảo đảm chi phí được ghi nhận đúng kỳ kế toán phát sinh. Việc trích trước chi phí phải có căn cứ hợp lý, đáng tin cậy và được tính toán phù hợp với chi phí thực tế dự kiến phát sinh.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản như: chi phí lãi vay phải trả liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không bao gồm các khoản dự phòng phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.12. Nguyên tắc kế toán các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả phản ánh các khoản nợ phải trả hiện tại của công ty phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra mà công ty có nghĩa vụ thanh toán trong tương lai và có thể ước tính được một cách đáng tin cậy về giá trị nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng phải trả ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ sự kiện đã xảy ra; Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế; Giá trị nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

Khoản dự phòng phải trả được ghi nhận theo giá trị ước tính hợp lý nhất của chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được xem xét, điều chỉnh tại từng kỳ kế toán phù hợp với giá trị ước tính thực tế. Khoản dự phòng chỉ được sử dụng để bù đắp các chi phí liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ đã ghi nhận. Công ty không ghi nhận dự phòng đối với các khoản lỗ hoạt động trong tương lai, trừ trường hợp hợp đồng có rủi ro lớn theo quy định.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa: Dự phòng chi phí bảo dưỡng được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo dưỡng xe bằng số lượng xe bán nhân với đơn giá tại hợp đồng nguyên tắc ký với công ty con (Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Dịch vụ Kỹ thuật 911 Call Me). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo dưỡng trong năm với công ty con Call Me. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

IV.13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn, vay ngân hàng, vay từ các bên liên quan, nợ thuê tài chính và các khoản vay khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế các khoản tiền đã nhận và các khoản còn phải thanh toán không bao gồm chi phí đi vay, đồng thời được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay, kỳ hạn vay và đồng tiền vay.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở xuống hoặc Công ty không có quyền vô điều kiện để hoãn việc thanh toán trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, giá trị nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tùy theo giá trị nào thấp hơn.

IV.14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty như chi phí thu xếp khoản vay, phí bảo lãnh, phí cam kết tín dụng, chi phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh, trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đáp ứng điều kiện vốn hóa thì được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp và không ghi nhận theo số vốn cam kết góp, số phải thu của các chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện trên cơ sở lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty sau khi xem xét tình hình tài chính, dòng tiền và các hạn chế theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Khi phân phối lợi nhuận, Công ty xem xét ảnh hưởng của các khoản mục phi tiền tệ có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả cổ tức hoặc lợi nhuận, bao gồm các khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Trường hợp Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất, việc phân phối lợi nhuận được căn cứ trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể phân phối cho chủ sở hữu sau khi xem xét tình hình tài chính, khả năng thanh toán và nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên, đồng thời không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thấp hơn giữa Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 (năm) điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn 4 (bốn) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi và lãi tỷ giá hối đoái.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

IV.18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí và khoản lỗ phát sinh từ hoạt động tài chính, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa theo quy định; dự phòng tổn thất đầu tư tài chính; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

IV.19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty. Chi phí bán hàng bao gồm chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc bộ phận bán hàng; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình; chi phí dịch vụ mua ngoài (triển lãm, vận chuyển, hoa hồng bán hàng) và các chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh các chi phí quản lý chung của toàn bộ doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhân viên quản lý (lương, các khoản trích theo lương, bảo hiểm); chi phí vật liệu văn phòng; chi phí công cụ dụng cụ; chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý; các khoản thuế, phí và lệ phí (thuế môn bài, tiền thuê đất không đủ điều kiện vốn hóa); chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác thuộc bộ phận văn phòng.

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc dồn tích tại thời điểm phát sinh, không phụ thuộc vào thời điểm thực tế chi trả tiền. Các khoản chi phí không được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ theo Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ kế toán vẫn được ghi nhận đầy đủ vào chi phí kế toán trong kỳ và được điều chỉnh loại trừ khi tính thuế TNDN.

IV.20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc được hoàn) được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong năm. Thu nhập chịu thuế được xác định trên cơ sở lợi nhuận kế toán sau khi điều chỉnh các khoản chênh lệch theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm các khoản chi phí không được trừ, thu nhập được miễn thuế hoặc không chịu thuế, các khoản lỗ được chuyển theo quy định và các khoản điều chỉnh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các nghĩa vụ thuế của Công ty được kê khai và xác định trên cơ sở các quy định của pháp luật thuế hiện hành. Do việc áp dụng và diễn giải các quy định của pháp luật thuế có thể khác nhau, các báo cáo thuế của Công ty có thể được cơ quan thuế kiểm tra và xác định lại theo quy định. Chênh lệch (nếu có) giữa số thuế đã ghi nhận và số thuế theo kết luận của cơ quan thuế sẽ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính trong kỳ khi có quyết định hoặc kết luận chính thức của cơ quan thuế.

IV.21. Bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

- (i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- (ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);
- (iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- (iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- (v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

IV.22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV.23. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	228.147.541	917.506.894
Tiền gửi không kỳ hạn	1.053.681.315	51.334.226.961
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	714.552.599	24.304.206.063
+ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	182.365.111	87.383.057
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	25.182.374	12.434.162.303
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.168.835	14.490.011.267
+ Các ngân hàng khác	127.412.396	18.464.271
Các khoản tương đương tiền	50.084.000.000	67.528.750.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	40.695.000.000	3.755.000.000
+ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	5.110.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.139.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	140.000.000	63.773.750.000
Cộng	51.365.828.856	119.780.483.855

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền với tổng giá trị là 48.434.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

V.2. a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
V.2. a1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	107.666.722.699	107.666.722.699	-	252.168.452.581	252.168.452.581	-
Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	-	200.787.128.767	200.787.128.767	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	350.000.000	350.000.000	-	200.787.128.767	200.787.128.767	-
Cho vay	103.800.000.000	103.800.000.000	-	47.600.000.000	47.600.000.000	-
+ Nguyễn Xuân Đông (2)	47.000.000.000	47.000.000.000	-	47.000.000.000	47.000.000.000	-
+ Bùi Đức Hạnh (3)	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-
+ Đinh Thị Thúy Mai (4)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-
+ Công Ty TNHH MTV Phú Thiên Lợi (5)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future (6)	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Kiều Trịnh	-	-	-	600.000.000	600.000.000	-
Tiền lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi, tiền cho vay	3.516.722.699	3.516.722.699	-	3.781.323.814	3.781.323.814	-
Cộng	107.666.722.699	107.666.722.699	-	252.168.452.581	252.168.452.581	-

V.2. a2. Thuyết minh tình hình các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(1) Hợp đồng tiền gửi có kì hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội và với lãi suất từ 5% đến 5,4%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. a3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đang được cầm cố, bảo lãnh, thế chấp

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tất cả các hợp đồng tiền gửi đang được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay phát sinh tại ngân hàng gửi tiền với tổng giá trị là 350.000.000 VND tại thuyết minh số V.21 của Công ty.

V.2. a4. Thuyết minh các khoản cho vay

- (2) Khoản cho vay đối với ông Nguyễn Xuân Đông theo Hợp đồng cho vay số 060/HĐV/2025-02 ngày 28/08/2025, và phụ lục gia hạn gần nhất là ngày 25/05/2026 có giá trị gốc là 47.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/09/2026, lãi suất 7%/năm, được bảo đảm bằng tài sản của bên vay. Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản vay chưa đến hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi theo hợp đồng.
- (3) Khoản cho vay đối với bà Bùi Đức Hạnh theo Hợp đồng cho vay số 2406/HĐV/911-BDH/2026 ngày 24/06/2026 có giá trị gốc là 35.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 7%/năm, được bảo đảm bằng tài sản của bên vay. Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản vay chưa đến hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi theo hợp đồng.
- (4) Khoản cho vay đối với bà Đinh Thị Thúy Mai theo Hợp đồng cho vay số 0501/HĐV/911-TM/2026 ngày 05/01/2026 có giá trị gốc là 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 7%/năm, được bảo đảm bằng tài sản của bên vay. Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản vay chưa đến hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi theo hợp đồng.
- (5) Khoản cho vay đối với Công ty TNHH MTV Phú Thiên Lợi theo hợp đồng cho vay số 1605/PTL-911/HĐVT/2026 ngày 16/05/2026 có giá trị tại ngày 30/06/2026 là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 ngày, không có lãi suất, được bảo đảm bằng quyền hợp đồng mua bán giữa công ty 911 và Phú Thiên Lợi. Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản vay chưa đến hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi theo hợp đồng.

V.2. a5. Thuyết minh các khoản cho vay Bên liên quan

- (6) Công ty có khoản cho vay đối với bên liên quan là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future, theo hợp đồng vay ký ngày 20/03/2026, với số tiền vay là 650.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2026, dư nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng, có thời hạn đến ngày 31/12/2026 và chịu lãi suất 20%/năm. Khoản vay được sử dụng để tài trợ vốn lưu động, đầu tư dự án và cơ cấu nguồn vốn của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
V.2. b1. Đầu tư vào công ty con	26.000.000.000	21.416.907.858	(4.583.092.142)	26.000.000.000	24.680.106.460	(1.319.893.540)
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future (i)	19.500.000.000	15.964.563.854	(3.535.436.146)	19.500.000.000	18.549.208.437	(950.791.563)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển dịch vụ kỹ thuật 911 Call Me (ii)	6.500.000.000	5.452.344.004	(1.047.655.996)	6.500.000.000	6.130.898.023	(369.101.977)
Cộng	26.000.000.000	21.416.907.858	(4.583.092.142)	26.000.000.000	24.680.106.460	(1.319.893.540)

V.2. b2. Tình hình đầu tư và hoạt động các khoản đầu tư vào Công ty con trong kỳ

(i) Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future là được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3603999588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2025, hoạt động chính của công ty này là vận tải hành khách đường bộ. Tại ngày 30/06/2026, Công ty đã đầu tư chiếm 65% vốn điều lệ và đã góp đủ vốn. Do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ 911 Group Future bị lỗ và vốn chủ sở hữu suy giảm, Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản đầu tư có dấu hiệu tổn thất và đã ghi nhận dự phòng phù hợp căn cứ trên giá trị có thể thu hồi tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Dịch vụ Kỹ thuật 911 Call Me là được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0111227599 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2025, hoạt động chính của công ty này là bán buôn thiết bị máy móc, phụ tùng. Tại ngày 30/06/2026, Công ty đã đầu tư chiếm 65% vốn điều lệ và đã góp đủ vốn. Do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Dịch vụ Kỹ thuật 911 Call Me bị lỗ và vốn chủ sở hữu suy giảm, Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản đầu tư có dấu hiệu tổn thất và đã ghi nhận dự phòng phù hợp căn cứ trên giá trị có thể thu hồi tại ngày lập báo cáo tài chính.

V.2. b3. Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác	01/01/2026	Trích lập dự phòng	Hoàn nhập dự phòng	Điều chỉnh (giảm) khác	30/06/2026
Dài hạn	1.319.893.540	3.263.198.602	-	-	4.583.092.142
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	1.319.893.540	3.263.198.602	-	-	4.583.092.142
Tổng	1.319.893.540	3.263.198.602	-	-	4.583.092.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
V.3. a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	62.813.452.928	-	36.688.560.064	-
Khách hàng Bên liên quan (b)	60.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Call Me	14.697.088.800	-	14.847.088.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thi công hạ tầng Vinalpha	13.986.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST	8.977.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng Vincons	5.939.223.787	-	-	-
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam - Công ty Than Thống Nhất - TKV	5.266.327.272	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	-	-	5.326.748.800	-
Nguyễn Tiến Cư	180.660.000	-	3.380.000.000	-
Phạm Thị Thu Hương	2.636.442.000	-	2.636.442.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Lắc	-	-	2.380.000.000	-
Công ty Cổ phần Lonking Việt Nam	2.263.500.000	-	2.263.500.000	-
Các khách hàng khác	8.807.211.069	-	5.854.780.464	-
Cộng	62.813.452.928	-	36.688.560.064	-

V.3. b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh số VIII.3.b - Số dư với các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4. Trả trước cho người bán

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
V.4. a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	35.521.554.800	-	33.620.720.652	-
Nhà cung cấp bên liên quan (b)	5.534.460	-	-	-
Trần Thị Thu Huyền	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Lonking Việt Nam	5.582.256.671	-	5.582.256.671	-
Công ty TNHH Kinda	3.218.211.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.715.552.669	-	3.038.463.981	-
Cộng	35.521.554.800	-	33.620.720.652	-

V.4. b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Chi tiết các khoản trả trước cho người bán là các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh số VIII.3.b - Số dư với các bên liên quan.

V.5. Phải thu khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
V.5. a. Phải thu khác ngắn hạn	34.473.323.694	(7.500.000.000)	50.250.426.320	(7.500.000.000)
Phải thu tạm ứng người lao động	33.023.462.755	(7.500.000.000)	20.207.455.271	(7.500.000.000)
Lưu Đình Tuấn (i)	15.000.000.000	(7.500.000.000)	15.000.000.000	(7.500.000.000)
Tào Duy Hùng (ii)	16.004.160.220	-	4.160.220	-
Các nhân viên khác	2.019.302.535	-	5.203.295.051	-
Ký cược, ký quỹ (*)	1.301.883.523	-	29.587.669.641	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	435.347.400	-	243.023.400	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	669.669.000	-	669.669.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	196.277.210	-	27.723.444.364	-
Các đối tượng khác	589.913	-	951.532.877	-
Phải thu khác	147.977.416	-	455.301.408	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
V.5. b. Phải thu khác dài hạn	482.142.000	-	504.642.000	-
Ký cược, ký quỹ	482.142.000	-	504.642.000	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu	291.898.000		291.898.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Gia Lâm	180.000.000		180.000.000	-
Các đối tượng khác	10.244.000	-	32.744.000	-
Cộng	34.955.465.694	(7.500.000.000)	50.755.068.320	(7.500.000.000)

V.5. c. Thuyết minh tình hình các khoản phải thu khác

(i) Đây là các khoản tạm ứng cho ông Lưu Đình Tuấn (cố chủ tịch) để triển khai thực hiện dự án viên nén. Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 03 năm 2026, HĐQT thông qua nội dung về việc Xử lý tài chính khoản nợ khó đòi theo quy định pháp luật về trích lập dự phòng và đang cố gắng tìm mọi biện pháp có thể để thu hồi khoản tạm ứng này trong thời gian tới.

(ii) Đây là các khoản tạm ứng cho ông Tào Duy Hùng thực hiện công việc mua bất động sản tại Đồng Nai nhằm mở rộng mặt bằng phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ký cược, ký quỹ

(*) Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển, Ngân hàng TMCP Quân đội nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho các hợp đồng L/C.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ xấu

Chỉ tiêu	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
V.6. a. Nợ xấu - Nợ phải thu ngắn hạn						
Phải thu khác	15.000.000.000	7.500.000.000	Trên 1 năm dưới 2 năm	15.000.000.000	7.500.000.000	Trên 1 năm dưới 2 năm
Ông Lưu Đình Tuấn	15.000.000.000	7.500.000.000		15.000.000.000	7.500.000.000	
Tổng cộng	15.000.000.000	7.500.000.000		15.000.000.000	7.500.000.000	

V.6. b. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu

Dự phòng nợ phải thu khó đòi các khoản sau	01/01/2026	Trích lập dự phòng	Hoàn nhập dự phòng	Điều chỉnh tăng (giảm) khác	30/06/2026
Phải thu khác ngắn hạn	7.500.000.000	-	-	-	7.500.000.000
Tổng	7.500.000.000	-	-	-	7.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.277.729.656	-	17.383.194.495	-
Chi phí SXKD dở dang	5.284.222.533	-	1.401.348.250	-
Hàng hoá	142.047.693.771	-	110.195.252.401	-
Cộng	165.609.645.960	-	128.979.795.146	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, một số hàng hóa đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số V.21.

V.8. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	597.643.199	1.426.520.148
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.759.914	52.717.455
Thuê văn phòng	120.000.000	120.000.000
Chi phí tổ chức tham quan, triển lãm	308.235.076	1.036.069.295
Chi phí sửa chữa kho bãi	38.613.336	96.533.334
Phí ngân hàng	100.000.000	-
Các khoản khác	10.034.873	121.200.064
b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	14.574.243.281	16.620.134.869
Chi phí quyền sử dụng thương hiệu (*)	14.149.100.006	16.170.400.004
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	346.607.021	376.799.103
Các khoản khác	78.536.254	72.935.762
Cộng	15.171.886.480	18.046.655.017

(*) Thực hiện theo hợp đồng Thỏa thuận cấp phép thương hiệu ngày 25/10/2024 và giấy chứng nhận ngày 01/11/2024 về việc sử dụng thương hiệu trong vòng 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.231.393.909	18.444.989.618	5.452.911.636	461.755.000	1.010.923.729	26.601.973.892
Mua trong kỳ	-	-	-	125.000.000	-	125.000.000
Mua lại TSCĐ thuê TC	-	3.929.665.268	-	-	-	3.929.665.268
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.929.665.268)	(2.272.866.545)	-	-	(6.202.531.813)
Số dư cuối kỳ	1.231.393.909	18.444.989.618	3.180.045.091	586.755.000	1.010.923.729	24.454.107.347
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.179.485.680	17.132.146.447	3.845.311.192	426.882.345	282.568.186	22.866.393.850
Khấu hao trong kỳ	55.329.168	758.963.147	281.623.539	21.262.169	111.977.412	1.229.155.435
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.922.712)	(2.183.706.297)	-	-	(2.191.629.009)
Số dư cuối kỳ	1.234.814.848	17.883.186.882	1.943.228.434	448.144.514	394.545.598	21.903.920.276
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	51.908.229	1.312.843.171	1.607.600.444	34.872.655	728.355.543	3.735.580.042
Số dư cuối kỳ	(3.420.939)	561.802.736	1.236.816.657	138.610.486	616.378.131	2.550.187.071

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

1.101.209.385 VND

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

11.284.874.763 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	7.462.611.111	7.462.611.111
<i>Mua lại TSCĐTTC</i>	(4.777.425.926)	(4.777.425.926)
Số dư cuối kỳ	2.685.185.185	2.685.185.185
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	891.353.262	891.353.262
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	126.723.888	126.723.888
<i>Mua lại TSCĐTTC</i>	(872.968.658)	(872.968.658)
Số dư cuối kỳ	145.108.492	145.108.492
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	6.571.257.849	6.571.257.849
Số dư cuối kỳ	2.540.076.693	2.540.076.693

V.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	64.395.000	64.395.000
<i>Tăng từ XDCBDD</i>	21.481.136.364		21.481.136.364
Số dư cuối kỳ	21.481.136.364	64.395.000	21.545.531.364
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	64.395.000	64.395.000
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	205.763.085	-	205.763.085
Số dư cuối kỳ	205.763.085	64.395.000	270.158.085
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	21.275.373.279	-	21.275.373.279

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 64.395.000 VND.

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.275.373.279 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà và Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000

* Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 30.000.000.000 VND.

Trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa tìm được công ty định giá phù hợp để thực hiện công việc này (hoặc chưa có điều kiện để thực hiện).

V.13. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.301.809.000	2.301.809.000	21.363.636.364	21.363.636.364
Xây dựng cơ bản dở dang	2.301.809.000	2.301.809.000	21.363.636.364	21.363.636.364
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	-	21.363.636.364	21.363.636.364
Chi phí thi công sửa chữa văn phòng Đồng Nai	2.301.809.000	2.301.809.000	-	-
Cộng	2.301.809.000	2.301.809.000	21.363.636.364	21.363.636.364

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.14. Phải trả người bán

	30/06/2026	01/01/2026
V.14. a. Phải trả người bán ngắn hạn	159.822.753.429	349.977.361.171
Phải trả người bán bên thứ ba	159.822.753.429	349.977.361.171
Xuzhou construction machinery group im & ex (XCMG)	91.117.255.425	278.036.000.450
Z-ton Group Corp	20.094.272.188	16.535.081.875
Shaanitonly Heavy Industries	15.757.232.105	10.063.484.925
Shandong Weichai Import And Export Corporation	13.570.649.470	-
Các nhà cung cấp khác	19.283.344.241	45.342.793.921
Cộng	159.822.753.429	349.977.361.171

V.15. Người mua trả tiền trước

	30/06/2026	01/01/2026
V.15. a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.589.017.994	17.054.570.514
Khách hàng bên thứ ba	17.589.017.994	17.054.570.514
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ligico	2.334.000.000	-
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	2.230.000.000	2.230.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Long	2.192.592.594	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Phúc	2.150.000.000	-
Công ty TNHH Long Sơn	1.747.500.000	-
Công Ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất và Xây dựng Đặng Xuân	1.422.500.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	1.240.500.000	-
Các khách hàng khác	4.271.925.400	14.324.570.514
Cộng	17.589.017.994	17.054.570.514

V.16. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026	01/01/2026
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận năm 2024	16.200.000	25.200.000
Cộng	16.200.000	25.200.000

Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% trên mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-911 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Đến ngày 30/06/2026, Công ty đã thanh toán 28.783.800.000 đồng và còn phải trả 16.200.000 đồng cho các cổ đông chưa hoàn tất thủ tục nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

V.17. 1. Thuế và các khoản phải nộp

Chỉ tiêu	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2026
Ngắn hạn	4.659.218.040	47.729.521.984	49.791.400.995	2.597.339.029
Thuế GTGT hàng bán	-	25.353.556.349	25.352.647.258	909.091
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	20.302.859.119	20.302.859.119	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.898.203.383	1.864.260.844	2.398.203.383	2.364.260.844
Thuế thu nhập cá nhân	1.761.014.657	208.845.672	1.737.691.235	232.169.094
Cộng	4.659.218.040	47.729.521.984	49.791.400.995	2.597.339.029

V.17. 2. Thuế và các khoản phải thu

Chỉ tiêu	01/01/2026	Phát sinh tăng trong năm	Đã nhận/đã bù trừ trong năm	30/06/2026
Ngắn hạn	5.949.612.868	26.128.343.413	25.353.470.867	6.724.485.414
Thuế GTGT được khấu trừ	5.949.612.868	26.128.343.413	25.353.470.867	6.724.485.414
Cộng	5.949.612.868	26.128.343.413	25.353.470.867	6.724.485.414

Trình bày cách xác định và thuế suất các loại thuế

Thuế GTGT: Áp dụng phương pháp khấu trừ, thuế suất phổ biến 10% theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thông thường là 20%, trừ trường hợp được hưởng ưu đãi thuế.

Thuế thu nhập cá nhân: Được khấu trừ, kê khai và nộp thay người lao động theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

V.18. Phải trả người lao động

	30/06/2026	01/01/2026
Tiền lương phải trả	2.133.534.261	1.576.647.216
Cộng	2.133.534.261	1.576.647.216

V.19. Chi phí phải trả

V.19. a. Ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí lãi vay phải trả	322.574.089	54.880.284
Cộng	322.574.089	54.880.284

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.19. b. Trích trước chi phí phải trả theo đối tượng

Bên thứ ba khác	322.574.089	54.880.284
Ngân hàng TMCP Nam Á	218.958.904	-
Các ngân hàng khác	103.615.185	54.880.284
Cộng	322.574.089	54.880.284

V.20. Phải trả khác

30/06/2026 01/01/2026

V.20. a. Phải trả khác ngắn hạn

1.658.796.818 -

Các khoản phải trả, phải nộp khác 1.658.796.818

Phải trả về các khoản phạt vi phạm hợp đồng (*) 1.648.796.818

+ Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin 1.433.281.818

+ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phương Việt 215.515.000

Các khoản phải trả, phải nộp khác 10.000.000

Cộng **1.658.796.818**

(*) Đây là khoản phạt liên quan đến việc vi phạm hợp đồng bán hàng giữa 3 bên là Công ty CP Tập đoàn 911, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin và Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phương Việt. Tại ngày 30/06/2026, 3 bên vẫn đang thương thảo về việc hoàn trả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.21. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	30/06/2026	Trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a. Vay ngắn hạn	38.971.115.513	98.740.902.224	100.858.672.067	41.088.885.356
Vay ngân hàng	34.677.273.171	48.748.059.887	52.479.885.416	38.409.098.700
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	5.481.261.318	17.960.928.002	21.183.933.417	8.704.266.733
Ngân hàng TMCP Thịnh Vương và Phát Triển (2)	4.545.674.389	6.136.794.421	10.780.000.000	9.188.879.968
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	17.409.947.064	17.409.947.064	20.515.951.999	20.515.951.999
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (4)	7.240.390.400	7.240.390.400	-	-
Vay ngắn hạn bên thứ 3	-	37.999.999.999	37.999.999.999	-
Phạm Thị Thu Hương	-	22.999.999.999	22.999.999.999	-
Nguyễn Thị Thuận	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay ngắn hạn bên liên quan	1.600.000.000	9.850.000.000	8.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future	-	1.850.000.000	1.850.000.000	-
Đoàn Thị Loan (5)	1.600.000.000	2.800.000.000	1.200.000.000	-
Nguyễn Mạnh Hải	-	4.100.000.000	4.100.000.000	-
Nguyễn Xuân Thanh	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	30/06/2026	Trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a. Vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Vay dài hạn đến hạn trả	2.693.842.342	2.142.842.338	2.128.786.652	2.679.786.656
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	149.333.320	149.333.320
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đồng Nai (6)	1.500.009.000	1.500.009.000	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội (7)	1.193.833.342	642.833.338	1.979.453.332	2.530.453.336
b. Vay dài hạn	17.367.324.320	18.500.000.000	2.142.842.338	1.010.166.658
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đồng Nai (6)	16.999.991.000	18.500.000.000	1.500.009.000	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội (7)	367.333.320	-	642.833.338	1.010.166.658
Cộng	56.338.439.833	117.240.902.224	103.001.514.405	42.099.052.014



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.21. 1. Vay ngân hàng

Thuyết minh các khoản vay						
	Ngân hàng	Số dư	Kỳ hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.481.261.318	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Thế chấp tài sản của Công ty và bên thứ ba gồm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, bất động sản, hàng hóa hình thành từ vốn vay, quyền đòi nợ và các hợp đồng tiền gửi, khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo quy định của TPBank.
(2)	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	4.545.674.389	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	- Thế chấp bằng tài sản của công ty gồm các xe ô tô. - Thế chấp các hợp đồng tiền gửi, các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển.
(3)	Ngân hàng TMCP Quân đội	17.409.947.064	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	- Thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị là 490.000.000 VND. - Thế chấp bằng tài sản của công ty gồm các xe ô tô. - Thế chấp hàng hóa và quyền đòi nợ của khách hàng theo các hợp đồng mua bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Ngân hàng	Số dư	Kỳ hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
(4)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7.240.390.400	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	- Thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với giá trị là 4.139.000.000 VND.
(6)	Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đồng Nai	18.500.000.000	120 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: (i) thửa đất số 70, tờ bản đồ số 123 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911; và (ii) thửa đất số 58, tờ bản đồ số 123 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Hải, cùng tọa lạc tại phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai. Tổng giá trị tài sản bảo đảm theo hợp đồng là 33.525.000.000 đồng.
(7)	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội	1.561.166.662	24 tháng	Mua xe	10%	Tài sản hình thành từ vốn vay

V.21. 2. Vay bên liên quan

Khoản vay nêu trên là giao dịch với bên liên quan và được trình bày tại Thuyết minh số VIII.3 – Giao dịch với các bên liên quan.

Vay từ nhân sự quản lý chủ chốt

- (5) Khoản mượn tiền của bà Đoàn Thị Loan để phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thời hạn vay tối đa 1 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.21. 3. Các khoản nợ thuê tài chính

Thuyết minh thời hạn nợ thuê tài chính

Thời hạn	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	1.185.500.158	83.500.150	1.102.000.008	1.567.212.636	138.764.700	1.428.447.936
Trên 1 năm đến 5 năm	468.269.979	9.103.325	459.166.654	754.083.952	39.851.892	714.232.060
Cộng	1.653.770.136	92.603.474	1.561.166.662	2.321.296.588	178.616.592	2.142.679.996

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.22. Dự phòng phải trả 30/06/2026 01/01/2026

V.22. a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	97.171.200	1.279.394.532
Cộng	97.171.200	1.279.394.532

Dự phòng nợ phải trả - chi tiết phát sinh như sau:

	Ngắn hạn	Dài hạn
Số đầu kỳ	1.279.394.532	-
Số đã sử dụng	(1.182.223.332)	-
Số cuối kỳ	97.171.200	-

V.23. Vốn chủ sở hữu

V.23. 1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	240.000.000.000	74.589.391.490	314.589.391.490
Lợi nhuận	-	7.924.213.957	7.924.213.957
Chia cổ tức	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	68.113.605.447	308.113.605.447
Số dư đầu kỳ này	240.000.000.000	68.113.605.447	308.113.605.447
Lợi nhuận	-	3.723.964.632	3.723.964.632
Số dư cuối kỳ này	240.000.000.000	71.837.570.079	311.837.570.079

V.23. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2026	01/01/2026
Ông Nguyễn Xuân Thanh	9,80%	23.509.110.000	23.509.110.000
Bà Nguyễn Thị Hải	23,95%	57.479.000.000	57.479.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	5,63%	13.505.000.000	13.505.000.000
Mirae Asset Daewoo Co.,ltd	6,94%	16.654.000.000	16.654.000.000
Các cổ đông khác	53,69%	128.852.890.000	128.852.890.000
Cộng	100%	240.000.000.000	240.000.000.000

V.23. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	240.000.000.000	240.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	240.000.000.000	240.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.23. 4. Cổ phiếu	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
V.24. Các khoản mục Báo cáo tình hình tài chính	30/06/2026	01/01/2026
V.24. a. Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn Từ 1 năm trở xuống	180.000.000	540.000.000
	180.000.000	540.000.000
V.24. b. Ngoại tệ các loại	30/06/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
USD	168,44	118,44

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

VI.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Doanh thu bán hàng hóa	314.146.510.011	831.406.365.117
Doanh thu cung cấp dịch vụ	398.063.822	816.262.783
Doanh thu khác	54.545.454	-
Cộng	314.599.119.287	832.222.627.900
Doanh thu đối với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.3.c bên liên quan	670.805.329	-
VI.2. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Giá vốn của hàng hóa đã bán	273.479.954.270	770.257.296.221
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	221.723.882	912.453.943
Giá vốn khác	38.658.519	-
Dự phòng (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.586.434.957)
Cộng	273.740.336.671	769.583.315.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn	944.608.740	772.792.861
Lãi tiền cho vay	3.376.860.273	1.108.627.397
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	522.705.843	788.760.040
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.652.550.892	-
Cộng	7.496.725.748	2.670.180.298

VI.4. Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí đi vay	2.925.932.463	2.064.658.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	248.829.900	2.388.676.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.107.581.184
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.263.198.602	-
Cộng	6.437.960.965	6.560.915.951

VI.5. Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí cho nhân viên	3.093.277.991	755.549.831
Chi phí vật liệu, bao bì	2.640.000	125.000
Chi phí bảo hành	593.886.978	723.360.250
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	6.962.724.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.771.814.772	4.758.821.916
Chi phí hoa hồng	1.571.680.000	-
Chi phí di chuyển hỗ trợ khách hàng tham gia triển lãm, nhà máy	1.903.419.536	-
Chi phí bằng tiền khác	791.963.781	305.331.998
Cộng	13.728.683.058	13.505.912.995

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí nhân viên quản lý	4.399.900.858	8.763.070.275
Chi phí vật liệu quản lý	31.679.166	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	237.234.794	167.513.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	584.344.828	1.313.022.914
Thuế, phí và lệ phí	4.456.860.793	3.796.540.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	900.711.795	2.573.466.280
Chi phí thương hiệu	2.021.299.998	2.021.299.998
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.183.680.000	1.559.100.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.122.768.480
Chi phí bằng tiền khác	1.653.302.467	2.327.082.244
Cộng	15.469.014.699	23.643.864.109

VI.7. Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.431.104.825	227.319.763
Phạt vi phạm hành chính chậm nộp thuế	77.511.789	648.138.957
Phạt vi phạm hợp đồng	3.400.360.454	1.451.115.455
Chi phí khấu hao không phục vụ sản xuất kinh doanh	750.720.707	232.888.925
Các khoản chi phí khác	497.361.515	420.068.456
Cộng	7.157.059.290	2.979.531.556

VI.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	273.720.202.230	751.608.226.996
Chi phí nhân công	7.493.178.849	9.556.101.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	810.921.701	3.833.124.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.468.465.400	10.921.345.577
Chi phí khác bằng tiền	2.445.266.248	13.024.329.233
Cộng	302.938.034.428	788.943.127.309

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.588.225.476	18.619.279.646
2. Điều chỉnh tăng/(giảm) tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (2.1+2.2)	3.733.078.745	846.406.729
2.1. Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.733.902.804	846.463.873
<i>Chi phí phạt thuế</i>	77.511.789	537.067.139
<i>Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	3.656.391.015	309.396.734
2.2. Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(824.059)	(57.144)
<i>Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác</i>	(824.059)	(57.144)
3. Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN (3=1+2)	9.321.304.221	19.465.686.375
3.1. Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	9.321.304.221	19.465.686.375
4. Thu nhập tính thuế sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ	9.321.304.221	19.465.686.375
4.1. Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	9.321.304.221	19.465.686.375
5. Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông 20% (4*20%)	1.864.260.844	3.893.137.275
6. Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	379.023.928
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành (5+6)	1.864.260.844	4.272.161.203
8. Tổng chi phí thuế TNDN	1.864.260.844	4.272.161.203

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VI.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG

VII.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	114.986.059.884	97.235.898.681

VII.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	(98.767.218.733)	(108.185.719.830)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(1.979.453.332)	(1.282.063.845)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**VIII.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Tại ngày 30/06/2026, Công ty không có khoản nợ tiềm tàng hoặc cam kết tài chính trọng yếu nào cần phải công bố.

Cam kết thuê hoạt động không hủy ngang:

Công ty có các khoản cam kết thanh toán tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang với các kỳ hạn thanh toán tối thiểu trong tương lai như sau: Trong vòng 1 năm tới: 180 triệu đồng.

VIII.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-911 ngày 16/05/2026 về việc phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức. Nội dung chi tiết được thông báo tại Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT-911 ngày 12/06/2026 như sau:

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần tập đoàn 911

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 600.000 cổ phiếu.

Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 6.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 2,5%.

Tỷ lệ thực hiện quyền: 40:1

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911

Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911.

Việc phát hành này được thực hiện thành công vào ngày 16/07/2026 theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1607/2026/BC-911 gửi Ủy ban chứng khoán với kết quả như sau:

Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 599.798 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 08/07/2026): 24.599.798 cổ phiếu

Đến ngày phát hành báo cáo, công ty đã thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán kể từ ngày 30/06/2026 cho đến ngày phê duyệt Bản thuyết minh này yêu cầu phải thực hiện điều chỉnh số liệu hoặc công bố thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Chi tiết định nghĩa về các bên liên quan trình bày tại thuyết minh số IV.23

Chi tiết đối tượng và mối quan hệ các bên liên quan chính trình bày như sau:

1. Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future

Công ty con
2. Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển dịch vụ kỹ thuật 911 Call Me

Công ty con
3. Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên gia đình liên quan các cá nhân này.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã công bố đầy đủ danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà Công ty được biết. Công ty cam kết thực hiện các quy định về việc xác định giá giao dịch bên liên quan theo giá thị trường độc lập.

VIII.3. a. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bên Công ty

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng).

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất thu nhập	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			1.065.337.041	2.411.754.930
Nguyễn Thị Thom	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	4.000.000	493.720.000
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	505.086.738	465.690.000
Phạm Đình Thoan	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	36.925.274	703.051.925
Nghiêm Đức Thuận	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	435.325.029	298.649.000
Nguyễn Đức Hải	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/05/2025)	Lương, thưởng	-	192.740.005
Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/05/2025)	Lương, thưởng	-	257.904.000
Trần Tăng Hải	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/05/2025)	Thù lao	30.000.000	-
Đinh Tiến Hùng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/05/2025)	Thù lao	30.000.000	-
Trần Thị Kim Dung	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	12.000.000	-
Lê Thị Loan	Thành viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	-
Trần Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Ban Tổng giám đốc			1.044.982.132	360.385.000
Nguyễn Xuân Thanh	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	389.278.871	163.693.000
Nguyễn Thị Thu Huệ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/09/2025)	Lương, thưởng	443.335.928	-
Đoàn Thị Loan	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	212.367.333	196.692.000

VIII.3. b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan - Nợ phải thu và phải trả	Số dư tại ngày	
	30/06/2026	01/01/2026
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	60.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future	60.000.000	-
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	300.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future	300.000.000	-
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.534.460	
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future	5.534.460	-
4. Phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng)	31.004.160.220	15.004.160.220
Lưu Đình Tuấn	15.000.000.000	15.000.000.000
Tào Duy Hùng	16.004.160.220	4.160.220
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn	(1.600.000.000)	
Đoàn Thị Loan	(1.600.000.000)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.3. c. Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

Giao dịch phát sinh bên liên quan trên Kết quả kinh doanh	Phát sinh trong kỳ	
	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển dịch vụ kỹ thuật 911 Call Me		
Bán hàng hóa.	441.860.652	-
Cung cấp dịch vụ.	154.954.779	-
Mua hàng hóa.	490.825.124	-
Nhận dịch vụ.	2.947.413.576	-
Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ 911 Group Future		
Cung cấp dịch vụ.	73.989.898	-
Nhận dịch vụ.	1.776.426	852.778
Lãi cho vay	9.764.383	-

Điều khoản giao dịch mua bán hàng hóa, sản phẩm

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch thương mại với các bên liên quan trên cơ sở các điều kiện thương mại thông thường hoặc theo các thỏa thuận riêng giữa các bên. Giá bán và giá mua hàng hóa, sản phẩm được xác định dựa trên giá thị trường tương đương hoặc mức giá đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan.

VIII.3. d. Cam kết bảo lãnh bên liên quan

Ông Nguyễn Mạnh Hải - Chủ tịch đang dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á (xem thuyết minh số V.21).

VIII.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn máy móc thiết bị và Công ty chỉ tập trung hoạt động ở Việt Nam, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận, nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.5. Thông tin so sánh

VIII.5. 1. Trình bày số liệu so sánh đầu kỳ

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng ngày 01 tháng 01 năm 2026, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh tương ứng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, đã được kiểm toán.

2. Áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán

Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 áp dụng cho năm hiện hành.

01/01/2026				
Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch do các điều chỉnh
Trên bảng báo cáo tình hình tài chính				
1. Khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	200.787.128.767	252.168.452.581	(51.381.323.814)
2. Khoản mục Phải thu về cho vay ngắn hạn		47.600.000.000	-	47.600.000.000
3. Khoản mục Phải thu ngắn hạn khác	135	54.031.750.134	50.250.426.320	3.781.323.814
4. Khoản mục Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		25.200.000	(25.200.000)
5. Khoản mục Phải trả ngắn hạn khác	320	25.200.000	-	25.200.000

VIII.6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị







Đặng Thị Huyền Ngọc

Đoàn Thị Loan

Nguyễn Mạnh Hải